

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2024

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 192/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1988; Số CCCD: xxx088000xxx, cấp ngày 05/5/2023 và bà Ngô Thị B. D, sinh năm 2000; Số CCCD: xxx300007xxx, cấp ngày 28/6/2021; cùng địa chỉ: Tổ dân phố Q1, phường Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Văn T và bà Ngô Thị B. D kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND HL, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng. Sau khi kết hôn ông T và bà D sống tại thôn Q1, HL, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng (nay là phường Liên Chiểu, TP Đà Nẵng). Trong quá trình chung sống giữa ông T và bà D phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và sống ly thân từ tháng 4/2025 cho đến nay. Ông T và bà D cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho được thuận tình ly hôn. Xét sự thuận tình ly hôn của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận là có cơ sở, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Ông Trịnh Văn T và bà Ngô Thị B. D xác nhận 01 con chung là Trịnh T.Tr, sinh ngày 27/6/2020. Ly hôn, tôi và bà D thỏa thuận giao con chung cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông Trịnh Văn T và bà Ngô Thị B. D mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận ông Trịnh Văn T và bà Ngô Thị B. D thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Giao con chung tên là Trịnh T.Tr, sinh ngày 27/6/2020. cho bà Ngô Thị B. D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trịnh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông Trịnh Văn T và bà Ngô Thị B. D mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông Trịnh Văn T và bà Ngô Thị B. D đã nộp theo biên lai thu số 0002331 ngày 10/9/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Trịnh Văn T và bà Ngô Thị B. D đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV4-Đà Nẵng;
- Phòng THADS KV4-Đà Nẵng;
- UBND phường Liên Chiểu;
- (Số ĐKKH: 157, ngày 19/11/2018 tại UBND HL, cũ)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Loan